

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

PGS.TS. PHẠM VĂN DŨNG

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG
Ở VIỆT NAM

(SÁCH CHUYÊN KHẢO)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn

Mã số:05220036

MỤC LỤC

	Trang
Danh mục các từ viết tắt	4
Lời mở đầu	7
Chương 1	
KHÁI LUẬN VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	
1.1. Khái luận về kinh tế thị trường	9
1.2. Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nền kinh tế thị trường	43
Chương 2	
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM	
2.1. Khái quát quá trình hình thành nền kinh tế thị trường ở Việt Nam	71
2.2. Những thành tựu định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam những năm qua	76
2.3. Những vấn đề đặt ra trong việc thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.....	132
2.4. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò nhà nước trong thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa nền kinh tế thị trường ở Việt Nam	146
Chương 3	
CÁC QUAN ĐIỂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP NHẪM TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM	
3.1. Bối cảnh mới tác động đến việc thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.....	151
3.2. Các quan điểm thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam	169
3.3. Các hệ giải pháp tiếp tục thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam trong thời gian tới	171
Kết luận.....	213
Danh mục tài liệu tham khảo.....	215

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

APEC	: Diễn đàn kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
ASEAN	: Hiệp hội các nước Đông Nam Á
ASXH	: An sinh xã hội
BCHTU	: Ban Chấp hành Trung ương
BHXXH	: Bảo hiểm xã hội
BHYT	: Bảo hiểm y tế
CNH, HĐH	: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CNXH	: Chủ nghĩa xã hội
CNTB	: Chủ nghĩa tư bản
CPI	: Chỉ số giá cả
DNNN	: Doanh nghiệp nhà nước
DOC	: Bộ Thương mại Hoa Kỳ
Đảng CSVN	: Đảng Cộng sản Việt Nam
ĐDSH	: Đa dạng sinh học
ĐH - CĐ	: Đại học - cao đẳng
EC	: Cộng đồng kinh tế châu Âu
EU	: Liên minh châu Âu
FDI	: Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FED	: Cục Dự trữ Liên bang Mỹ
GD&ĐT	: Giáo dục & đào tạo
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
HDI	: Chỉ số phát triển nguồn nhân lực
HTX	: Hợp tác xã
JPY	: Đồng yên Nhật
KH-CN	: Khoa học-công nghệ
NATO	: Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương
NEP	: Chính sách kinh tế mới
NICs	: Các nước công nghiệp mới
NIEs	: Các lãnh thổ công nghiệp mới
ODA	: Viện trợ phát triển chính thức

OECD	: Tổ chức các nước có nền kinh tế phát triển
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa
TBCN	: Tư bản chủ nghĩa
TĐSX	: Tập đoàn sản xuất
TNC _s	: Các công ty xuyên quốc gia
UBND	: Ủy ban nhân dân
UNIDO	: Tổ chức Phát triển Công nghiệp của Liên hợp quốc
UNDP	: Tổ chức Hợp tác Phát triển Liên hợp quốc
USD	: Đô la Mỹ
VCB	: Ngân hàng ngoại thương
VND	: Đồng tiền Việt Nam
WTO	: Tổ chức thương mại thế giới

www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn

LỜI MỞ ĐẦU

Trong 25 năm đổi mới ở nước ta, những nghiên cứu về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đã đạt được không ít thành tựu. Nhận thức về kinh tế thị trường ngày càng đầy đủ, sáng rõ hơn. Giờ đây, phát triển kinh tế thị trường là điều không còn phải tranh cãi. Nhưng nội dung của định hướng XHCN là gì và việc thực hiện các nội dung đó trong phát triển kinh tế thị trường đến đâu? Những thành tựu và hạn chế chủ yếu? Một loạt vấn đề thực tiễn bức xúc đòi hỏi phải giải quyết: xử lý tương quan giữa kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân; vai trò của nhà nước và tự do hoá kinh tế; hội nhập kinh tế quốc tế và thực hiện mục tiêu CNXH; các điều kiện cơ bản và các thể chế đảm bảo định hướng XHCN trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam... Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập, nền kinh tế của mỗi quốc gia trở thành bộ phận không thể tách rời của nền kinh tế thế giới; những luật lệ mới, những sân chơi mới, những đối tác và đối thủ mới... chi phối đời sống kinh tế toàn cầu. Bối cảnh mới có cho phép thực hiện định hướng XHCN? Nếu câu trả lời là có thì câu hỏi tiếp theo là chúng ta sẽ phải làm gì? làm như thế nào?... để thực hiện định hướng đó. Đó là những câu hỏi không thể né tránh và không dễ trả lời.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, năm 1991 đã đề cập một vấn đề kinh tế quan trọng: *Phát triển triển một nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN*. Những thành tựu về kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế trong những năm qua đã đưa đất nước ta sang một kỷ nguyên mới. Điều này đòi hỏi phải có sự bổ sung, phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Để làm được điều đó phải nghiên cứu công phu, hệ thống nhiều vấn đề, trong đó có *định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*. Việc nghiên cứu này còn trực tiếp góp phần soạn thảo các văn kiện Đại hội XI về những vấn đề liên quan đến định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Nghiên cứu đề tài này còn có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập các môn khoa học lý luận Mác - Lênin. Trong các trường đại học, việc giảng dạy nội dung *nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam* chủ yếu mới dừng lại ở những nguyên lý được nêu trong các văn kiện đại hội của

Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là những vấn đề mà đề tài khoa học cấp Nhà nước KX.04.07/06-10 phải giải quyết.

Trên cơ sở kế thừa những kết quả nghiên cứu của nhiều công trình khoa học khác, tác giả biên soạn cuốn sách chuyên khảo này góp phần thực hiện đề tài trên.

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2010

Chương 1

KHÁI LUẬN VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1.1. KHÁI LUẬN VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1.1.1. Khái lược về lịch sử hình thành, phát triển của kinh tế thị trường

Thời nguyên thủy, để tồn tại con người phải sống thành bầy đàn; sống dựa vào săn bắn và hái lượm; làm chung, ăn chung. Như thế, trong mỗi cộng đồng người nguyên thủy (công xã, bộ tộc, bộ lạc), sự tồn tại của mỗi cá nhân trực tiếp phụ thuộc vào cộng đồng. Lực lượng sản xuất quá thấp kém nên chưa thể có trao đổi sản phẩm.

Khi lực lượng sản xuất phát triển, sản phẩm thặng dư xuất hiện, quan hệ trao đổi giữa các công xã, bộ tộc, bộ lạc bắt đầu hình thành; sản xuất hàng hóa bắt đầu từ đó. Tuy nhiên, sản xuất hàng hóa ở thời kỳ này hết sức sơ khai, mang tính ngẫu nhiên. Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ hàng hóa - tiền tệ cũng ngày càng phát triển cả về quy mô và trình độ. Kinh tế hàng hoá phát triển đến trình độ mà toàn bộ các yếu tố “đầu vào” và “đầu ra” của sản xuất đều thông qua thị trường thì kinh tế thị trường xuất hiện.

Như vậy, xét về mặt lịch sử, kinh tế thị trường là sản phẩm tất yếu của sản xuất hàng hoá, của sự phát triển lực lượng sản xuất xã hội. Tuy nhiên, trong phương thức sản xuất chiếm hữu nô lệ và phương thức sản xuất phong kiến, mặc dù lực lượng sản xuất từng bước phát triển nhưng vẫn chưa thể có kinh tế thị trường vì mục đích của sản xuất vẫn là để thỏa mãn nhu cầu trực tiếp của người sản xuất; sản xuất mang tính khép kín. Đến CNTB, lực lượng sản xuất phát triển hết sức nhanh chóng; mục đích của sản xuất là cho “người khác”, cho xã hội; hoạt động sản xuất mang tính “mở” trên phạm vi địa phương, khu vực và quốc gia nên kinh tế thị trường mới xuất hiện và ngày càng phát triển. Bởi vậy, sự hình thành phát triển kinh tế thị trường gắn liền với quá trình xã hội hóa sản xuất - xã hội hóa cả lực lượng sản xuất và cả quan hệ sản xuất.

Trình độ phát triển của kinh tế hàng hoá, kinh tế thị trường có liên quan mật thiết với các giai đoạn xã hội hóa sản xuất. Tương ứng với ba giai đoạn xã hội hóa

sản xuất là ba trình độ phát triển của nền sản xuất hàng hóa từ kinh tế hàng hoá giản đơn sang kinh tế thị trường tự do và đến kinh tế thị trường hiện đại.

Sản xuất hàng hóa giản đơn xuất hiện khi phân công lao động xã hội đạt đến trình độ nhất định và chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất đã tương đối phổ biến. Phân công lao động xã hội là biểu hiện, là thước đo trình độ xã hội hóa sản xuất. Khi có phân công lao động xã hội, các chủ thể kinh tế (cá nhân, tập thể...) lao động không phải chỉ cho mình, mà còn cho xã hội; lao động của họ sẽ trở thành một bộ phận lao động xã hội. Tuy nhiên, trong sản xuất hàng hóa giản đơn, lực lượng sản xuất còn thấp kém, sản phẩm có thể trao đổi rất ít nên quan hệ giữa người sản xuất với "người khác", với xã hội còn rất đơn giản, mang tính ngẫu nhiên. Đồng thời, "người sản xuất" mới chỉ là những người tư hữu nhỏ với hình thức phổ biến là các cá nhân và hộ gia đình. Nói cách khác, trình độ xã hội hóa còn rất thấp.

Kinh tế thị trường tự do là sự phát triển tất yếu của sản xuất hàng hoá giản đơn. Khi lao động thủ công được thay thế bằng lao động sử dụng máy móc, năng suất lao động xã hội và của cái xã hội tăng lên đặc biệt nhanh chóng. Đây là tiền đề vật chất quyết định việc mở rộng quan hệ trao đổi sản phẩm. Nhờ sản phẩm hàng hoá tăng nhanh, mọi nhu cầu của con người đều có thể được thoả mãn thông qua thị trường nên người sản xuất có thể sản xuất cả những sản phẩm họ không có nhu cầu tiêu dùng; bán tất cả sản phẩm được sản xuất ra. Ngay các yếu tố sản xuất (đầu vào) cũng dần trở thành hàng hoá ("đầu vào" của ngành này là "đầu ra" của ngành khác; vốn, đất đai và sức lao động cũng trở thành hàng hoá) và người sản xuất hoàn toàn có thể tìm mua được trên thị trường. Khi đó, *kinh tế thị trường tự do* thay thế cho *sản xuất hàng hóa giản đơn*.

Bước chuyển này trùng với thời kỳ quá độ từ chế độ phong kiến sang CNTB, diễn ra trong các thế kỷ XV đến thế kỷ XVII ở nước Anh và một số nước châu Âu. Những điều kiện cho sự hình thành kinh tế thị trường tự do được tạo lập trong thời kỳ này bao gồm:

Về phương diện kinh tế: những cải cách tư sản trong lĩnh vực nông nghiệp đã phá vỡ kết cấu kinh tế phong kiến và tạo ra các tiền đề kinh tế cần thiết cho nền kinh tế thị trường tự do. Đó là cuộc cách mạng kỹ thuật canh tác và cách mạng quan hệ ruộng đất đã làm cho năng suất lao động trong nông nghiệp tăng đáng kể, cho phép tăng cung ứng nông phẩm cho xã hội, chuyển dịch cơ cấu ngành nghề và lao động nông nghiệp - nông thôn truyền thống, làm cho phân công lao động xã hội phát triển nhanh chóng. Một điều kiện quan trọng để thay thế lao động thủ công bằng lao động sử dụng máy móc chính là sự phát triển của phân công lao động xã hội. Việc sử dụng máy móc làm cho người lao động trở thành lao động bộ phận. Họ chỉ đảm nhận một công đoạn của quá trình sản xuất; chỉ sản xuất ra những chi tiết sản phẩm. Điều đó có nghĩa là lao động của mỗi cá nhân lệ thuộc chặt chẽ vào lao động của các cá nhân khác và vào lao động xã hội.

